

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu vực
cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng - tỷ lệ 1/2.000**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08 tháng 2 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Xét Tờ trình số 1033/TTr-BQL ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc xin thẩm định, phê duyệt đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng - tỷ lệ 1/2.000; Báo cáo số 660/SXD-KTQH ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định hồ sơ khảo sát địa hình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Cao Bằng tại Báo cáo số 1055/BCTĐ-SXD ngày 13 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng - tỷ lệ 1/2.000, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng - tỷ lệ 1/2.000.

2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch được xác định trong phạm vi quản lý hành chính thị trấn Hùng Quốc, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng. Có giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp: Núi đá khu vực Bản Hía;
- Phía Tây giáp: Đất đồi khu vực xóm Khuổi Luông, xã Quang Hán;
- Phía Nam giáp: Đường quy hoạch và các lô đất quy hoạch đồi núi, đất ở nông thôn, đất công nghiệp, kho tàng;
- Phía Bắc giáp: Biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

3. Tính chất:

- Là khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: Thương mại - Dịch vụ - Du lịch - Công nghiệp - Nông lâm nghiệp, tạo thành khu vực thu hút đầu tư và hội nhập quốc tế.

- Là cửa ngõ giao thương quốc tế, đầu mối giao thông, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh quan trọng, là cầu nối giữa tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc với miền Bắc Việt Nam và hành lang biển Đông, giữa các nước ASEAN và với các nước Đông Bắc Á.

- Là trung tâm kinh tế, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

- Là khu vực phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh, quốc phòng, có môi trường sinh thái bền vững.

4. Quy mô dân số, đất đai:

- Quy mô dân số:

+ Dự báo đến năm 2025, tổng dân số Khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh khoảng 2.000 người.

+ Thu hút lao động: Khoảng 15.000 người.

- Quy mô đất đai: 177,54 ha.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

Như nội dung đồ án quy hoạch đã lập.

6. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

a) Nguyên tắc phát triển:

- Phát huy bản sắc cảnh quan, kiến trúc truyền thống địa phương, nhấn mạnh yếu tố mặt nước, cảnh quan núi rừng. Khai thác hợp lý các cốt xây dựng, đảm bảo tạo quỹ đất xây dựng và gìn giữ môi trường thiên nhiên trong khu vực.

- Kết nối với thị trấn Hùng Quốc trong một tổng thể không gian thống nhất dựa trên hệ thống khung giao thông liên kết chặt chẽ, các khu chức năng bổ trợ lẫn nhau, cùng nhau phát triển.

b) Hướng phát triển: Phát triển các trục không gian chính bao gồm trục hành lang Bắc Nam là Quốc lộ 34 mở rộng, trục hành lang Đông Tây là tuyến đường Nà Đổng vào lõi mở, các trục liên kết là đường phân khu vực và liên khu vực trở lên, nối từ Đông sang Tây và từ Bắc xuống Nam.

c) Định hướng thiết kế đô thị.

Tận dụng địa hình cảnh quan, bố cục không gian kiến trúc đô thị theo các khu vực chính như sau:

- Mở rộng đường Quốc lộ 34 kết hợp với đường Nà Đổng đang được xây dựng làm trục bố cục - liên kết và xương sống của toàn khu.

- Xây dựng các khu chế xuất tại các vị trí khu đất thuận lợi tại phía Đông, giáp bản Hía và phía Tây Nam giáp khu kho tàng, bến bãi dọc theo tuyến đường Nà Đổng. Tận dụng khai thác địa hình tương đối bằng phẳng để tạo quỹ đất phát triển.

- Dọc theo Quốc lộ 34 mở rộng từ cửa khẩu chính đến ngã ba đường Quốc lộ cũ và đường tránh có dòng suối chảy song song, khai thác yếu tố cảnh quan để làm tăng thêm vẻ đẹp cho khu vực, chỉnh trang kè dòng suối, trồng bổ sung thêm cây xanh phát triển không gian sinh thái.

- Dòng suối chảy len qua các khu đất kho bãi, công nghiệp, khu chế xuất tạo nên không gian cảnh quan thoáng mát, hạn chế tiếng ồn, giảm thiểu bụi bẩn... Điều hòa không khí, tạo nên một Khu cửa khẩu có cảnh quan đẹp, tiện nghi.

- Phía Nam khu vực trạm kiểm soát liên hợp và các chức năng khu vực cửa khẩu chính bố trí khu quảng trường trung tâm, với các yếu tố tạo cảnh quan như cây xanh, thảm cỏ, tiểu cảnh và điểm nhấn mỹ thuật - kiến trúc như biểu tượng hoặc tượng đài hoành tráng. Khu vực quảng trường trung tâm như một nút liên kết mềm đối với các chức năng dịch vụ thương mại, cơ quan, dân cư hiện hữu chỉnh trang, tạo vẻ đẹp chung.

- Khu vực phía Nam hiện có dãy núi khá đẹp, làm điểm tựa rất tốt cho khu vực cửa khẩu chính và các khu vực chức năng. Với các sườn dốc thoải, định hướng khai thác một phần để làm nhà ở sinh thái, phục vụ ngắm cảnh, nghỉ dưỡng. Hệ cây xanh hiện có sẽ được cải tạo, bổ sung nhằm tăng tính hấp dẫn và cải tạo cảnh quan môi trường chung.

7. Phân khu chức năng, vị trí, quy mô các khu chức năng chính:

- Đất các cơ quan chức năng khu vực cửa khẩu:

+ Tại khu vực cửa khẩu chính: Chỉ bố trí khu làm việc, kiểm soát của các bộ phận có liên quan: Hải quan; Biên phòng; Thuế; Kiểm dịch động vật, y tế; an ninh. Trụ sở các cơ quan đều bố trí về khu vực phía Nam, từ khu vực Chi cục Hải quan đến ngã ba đường Nà Đổng - Quốc lộ 34.

+ Khu vực giao thương hàng hóa (lõi mở) bố trí trạm kiểm soát giáp với khu tái định cư Nà Đổng.

Tổng diện tích đất quy hoạch các khu cơ quan chức năng là: 6,22 ha.

- Đất khu đóng gói, sơ chế:

Bố trí tại khu vực phía Đông giáp phía Nam của bán Hía và phía Tây Nam khu vực quy hoạch. Tại khu vực này bố trí các nhà máy đóng gói hàng hóa xuất nhập khẩu, sơ chế các sản phẩm nông lâm sản.

Tổng diện tích đất quy hoạch là: 41,65 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ, du lịch, chợ đường biên:

Chợ, trung tâm thương mại, triển lãm, bưu điện, ngân hàng, hiệu thuốc, hiệu sách... được phân bố ở khu vực sát với cửa khẩu chính khu vực lối mở, là nơi tập trung các hoạt động dịch vụ thương mại.

Tổng diện tích đất thương mại, dịch vụ, du lịch, chợ đường biên là: 31,71 ha.

- Đất dân cư hiện trạng giữ lại theo quy hoạch, tái định cư, nhà ở sinh thái:

Được phát triển tại các điểm dân cư hiện có và lân cận. Khai thác các khu đất có đặc điểm cảnh quan đẹp, điểm nhìn hấp dẫn. Việc giữ lại tối đa các khu dân cư hiện hữu phù hợp định hướng quy hoạch đã cụ thể hóa chủ trương phát triển của Nhà nước.

Tổng diện tích đất dân cư hiện trạng giữ lại theo quy hoạch, tái định cư, nhà ở sinh thái là: 8,12 ha.

- Đất kho tàng, bến bãi:

Đảm bảo tối đa các nhu cầu về bến bãi, kho tàng, thu hút nhiều nhà đầu tư tham gia. Việc bố trí tập trung các khu chức năng này giáp với tuyến đường lên cửa khẩu hàng hóa, đường Nà Đòong, đảm bảo nhu cầu phát triển trước mắt và lâu dài.

Tổng diện tích quy hoạch các khu đất kho tàng, bến bãi là: 12,58 ha.

- Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

Bao gồm các chức năng trạm cấp nước sạch và trạm xử lý nước thải, phục vụ nhu cầu các khu đất dân cư, dịch vụ thương mại và các khu cơ quan. Đối với các khu vực sản xuất, bến bãi bố trí hệ thống cấp nước và xử lý nước thải riêng.

Tổng diện tích quy hoạch là: 1,74 ha.

- Đất công viên cây xanh, mặt nước, đồi núi:

Là các khu vực không gian mở, liên kết các khu chức năng, có ý nghĩa tạo cảnh và điều hòa vi khí hậu khu vực quy hoạch. Hệ thống cây xanh, hồ nước, suối và đồi núi tự nhiên có diện tích quy hoạch là: 62,85 ha.

- Đất giao thông, đầu nối hạ tầng:

Gồm các tuyến Quốc lộ 34 mở rộng, tuyến đường Nà Đòong và các tuyến đường phân khu vực, các nút đầu nối tại khu vực cửa khẩu và lối mở.

Tổng diện tích quy hoạch là: 12,62 ha.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng tổng hợp số liệu quy hoạch sử dụng đất toàn khu

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích	Tỷ lệ
		(ha)	(%)
	Diện tích lập quy hoạch	177,5434	100
1	Đất các khu vực chức năng cửa khẩu	6,2282	3,51
2	Đất khu sơ chế	41,6559	23,46
3	Đất thương mại dịch vụ, du lịch, chợ đường biên...	31,7103	17,86
4	Đất dân cư hiện trạng, tái định cư, biệt thự sinh thái trên núi	8,1287	4,58
5	Đất kho tàng bến bãi	12,5894	7,09
6	Đất công trình đầu mối HTKT	1,7475	0,98
7	Đất công viên cây xanh, mặt nước, đồi núi	62,8565	35,40
8	Đường giao thông, đầu nối HT	12,6269	7,11

9. Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

- Khu vực thiết kế là vùng thung lũng miền núi thấp. Khi xây dựng các công trình cần đảm bảo được sự cân bằng đào đắp với khối lượng nhỏ nhất và cự ly vận chuyển đất ngắn nhất.

- Các khu vực thấp ven suối ưu tiên xây dựng công trình >2 tầng để phòng ảnh hưởng của lũ lụt (tần suất lớn).

- Căn cứ vào đặc điểm địa hình, mực nước hàng năm của con suối chảy qua khu vực nghiên cứu, căn cứ vào thực tế, giải pháp nền cho khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh:

+ Khu vực I: Phía Tây Nam giáp tuyến đường PK3,PK4 và NB1,NB2 của dự án có địa hình bằng phẳng và tương đối thấp từ cao độ +657m đến +659m, chọn giải pháp tôn nền đến cao độ trung bình +661m, cho phù hợp với cao độ các tuyến đường xung quanh.

+ Khu vực II: Phía Nam dự án 2 lô đất CQ-03 và CQ-04 là khu vực Hải quan và dân cư dọc tuyến đường Quốc lộ 34, chọn giải pháp giữ nguyên hiện trạng với khu vực đã xây dựng và đào nền tại các vị trí còn lại xuống cao độ +670m cho phù hợp với tuyến đường Quốc lộ 34 nấn tuyến.

+ Khu vực III: Phía Bắc dự án các lô đất DTPTTM-01, DVTM-01 và TĐC-01 có địa hình tự nhiên thấp từ cao độ +661m đến +665m, chọn giải pháp tôn nền đến cao độ trung bình +660m, cho phù hợp với tuyến đường Quốc lộ 34.

+ Khu vực IV: Phía Bắc dự án dọc 2 bên tuyến đường PK1 từ đỉnh D1 đến D19, chọn giải pháp tôn nền đến cao độ trung bình +660m, cho phù hợp với tuyến đường PK1.

b) Thoát nước mặt:

- Hệ thống mạng lưới thoát nước mưa được chọn là các tuyến cống đặt dưới lòng đường (sát bó vỉa đường) dùng cống BTCT, H30-XB80.

- Giải pháp thu nước mưa được chọn là các hố ga thu nước lòng đường, được đặt bằng các tấm ghi gang, chịu lực.

- Các hố ga trên các tuyến thoát nước mưa được bố trí theo quy định, phụ thuộc vào đường kính từng tuyến.

- Với DN 400 - DN600 khoảng cách ga trung bình là $L_{ga}=40m$.

- Với DN 800 - DN1000 khoảng cách ga trung bình là $L_{ga}=60m$.

- Với DN > DN1000, khoảng cách ga trung bình là $L_{ga}=100m$.

- Độ dốc các tuyến ống được chọn với $I_{min}=1/D$.

- Những nơi giao nhau sẽ được lắp đặt theo kiểu: phía trên cùng là cấp nước, sau đó là thoát nước. Ống cấp nước phải được bố trí cao hơn ống thoát nước thải theo quy định.

- Toàn bộ khu vực dự án được chia cắt thành 6 lưu vực thoát nước bởi các con suối.

- Các lưu vực thoát nước thoát xả ra suối qua 6 cửa xả có đường kính : D1000, D1250, D1500, D2x1000.

9.2. Quy hoạch giao thông:

a) Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đối ngoại:

Đường bộ: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 34 đoạn trong khu vực quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, bề rộng đường 30m, đây sẽ là trục đường chính của khu vực cửa khẩu.

b) Định hướng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đô thị: Gồm các đường chính đô thị, đường khu vực và đường nội bộ, cụ thể như sau

+ Mặt cắt 1-1 = 30 m, trong đó: Lòng đường = 19 m, vỉa hè đường mỗi bên = 4,5 m, dải phân cách giữa = 2m. Tổng chiều dài 1,46km.

+ Mặt cắt 2-2 = 24m, trong đó: Lòng đường = 15m, vỉa hè đường mỗi bên = 4,5 m. Tổng chiều dài 1,89 km.

+ Mặt cắt 3-3 = 22m, trong đó: Lòng đường = 15m, vỉa hè đường mỗi bên = 3,5 m. Tổng chiều dài 0,72 km.

+ Mặt cắt 4-4 = 15,5m, trong đó: Lòng đường = 7,5m, vỉa hè đường mỗi bên = 4 m. Tổng chiều dài 0,59 km.

- Bến xe: Xây dựng bến xe buýt nội bộ gần khu vực cửa khẩu, với quy mô 8.453m².

9.3. Quy hoạch cấp nước:

a) Nguồn nước: Xây dựng mới một trạm xử lý nước sạch đặt tại khu đất hạ tầng ở phía Nam của đồ án.

b) Mạng lưới:

- Giải pháp mạng lưới được chọn là mạng vòng, các nhánh cắt kết hợp cấp nước cho sinh hoạt, cứu hoả và mọi nhu cầu khác.

- Ống cấp nước chính dùng ống HDPE nối bằng phương pháp hàn nhiệt.

- Chiều sâu chôn ống cấp nước chính nhỏ nhất là $\geq 0,3$ m so với mặt hè (tính đến đỉnh ống).

- Các ống cấp nước được đặt trên hè, những đoạn qua đường, tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ. Đường kính ống lồng sẽ lớn hơn các ống tương ứng tùy trường hợp là một cấp.

- Trên mạng lưới cấp nước ở những vị trí cao nhất cần đặt các van xả khí DN25, ở vị trí thấp nhất cần đặt các van xả cạn.

c) Cấp nước cứu hỏa: Các trụ cứu hoả ngoài nhà chọn loại nổi D100, khoảng cách mỗi trụ cứu hoả cách nhau 120 - 150m/trụ.

9.4. Quy hoạch cấp điện:

a) Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch là nguồn điện 35kV được lấy từ trạm 110kV Quảng Uyên, sẽ được nâng công suất lên 2x16MVA trước năm 2015 và trạm 110kV Cao Bằng với công suất hiện tại là 2x40MVA.

b) Lưới điện:

- Lưới 35kV: Cải tạo, nâng cấp đường dây trục 35KV đi nổi dọc theo Quốc lộ 34, từ đó cấp điện đến các trạm biến áp 35(22)/0,4KV qua các đường dây nhánh.

- Lưới hạ áp 0,4kV: Đối với các tuyến 0,4kV hiện có vẫn giữ nguyên để cung cấp điện cho các phụ tải. Tuyến đường dây có tiết diện bé sẽ cải tạo nâng tiết diện đảm bảo cấp điện cho các phụ tải. Mạng lưới 0,4kV xây dựng mới bố trí đi nổi dọc theo các tuyến đường quy hoạch để cung cấp điện cho các phụ tải. Lưới 0,4kV tổ chức theo mạng hình tia, dùng cáp vặn xoắn ABC. Đường trục ABC (4x95) - ABC (4x120), đường nhánh ABC (4x50) - ABC (4x70).

- Trạm lưới 35/0,4 KV: Dự kiến xây dựng 11 trạm biến áp với tổng công suất 9.460kVA để cấp điện cho toàn bộ các hạng mục công trình trong khu vực quy hoạch. Trong số bố trí xây mới 10 trạm biến áp với công suất 8.460kVA và tiến hành nâng cấp 01 trạm biến áp hiện trạng từ 400kVA lên thành 1.000kVA. Các trạm dùng trạm xây hoặc trạm treo, bán kính phục vụ đảm bảo ≤ 300 m.

- Lưới chiếu sáng đô thị:

+ Toàn bộ các đường có mặt cắt $\geq 5,5$ m đều được chiếu sáng. Đường có mặt cắt ≥ 11 m bố trí 2 tuyến chiếu sáng 2 bên đường; đường có mặt cắt $\leq 10,5$ m bố trí 1 tuyến chiếu sáng 1 bên đường. Hình thức chiếu sáng dùng đèn thủy ngân cao áp 125W- 250W hoặc đèn Led để tiết kiệm năng lượng. Tuyến đường chính bố trí chiếu sáng đi ngầm dùng cáp (4x16). Chiếu sáng đảm bảo độ chói từ 0,7 Cd/m² đến 1,2 Cd/m² đối với đường chính và từ 0,4 Cd/m² đến 0,6 Cd/m² đối với đường khu vực.

+ Các khu công viên, bồn hoa có thể chiếu sáng bằng đèn nắm và đèn chùm.

9.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

- Hệ thống thoát thải được thu riêng hoàn toàn với nước mưa. Hệ thống thoát nước được xây dựng trên vỉa hè, đường kính cống thoát từ D300 - D500, đối với tuyến ống áp lực dùng D150 và D250. Các tuyến cống tự chảy dùng cống BTCT (trên vỉa hè dùng cống có tải trọng H10-XB30; đoạn chạy dưới lòng đường dùng cống có tải trọng H30-XB80), các tuyến ống áp lực dùng ống HDPE.

- Hướng thoát nước chính của dự án từ Bắc xuống Nam, hai lưu vực phía Đông và Tây đổ về tuyến cống chính chạy trên đường Quốc lộ 34 và tuyến NB1 rồi đưa về trạm xử lý đặt tại khu đất phía Nam (gần khu đất KB-10).

- Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải với công suất 2.000m³/ngày

- Xây dựng 02 trạm bơm để đưa nước thải về trạm xử lý:

+ Trạm bơm 1: Công suất 150m³/ngày.

+ Trạm bơm 2: Công suất 200m³/ngày.

9.6. Đánh giá tác động môi trường: Như nội dung đề án quy hoạch đã lập.

10. Phân đợt xây dựng và các dự án ưu tiên đầu tư:

- Các dự án hoàn thiện khung hạ tầng cơ sở:

+ Xây dựng tuyến Quốc lộ 34: Hỗ trợ khả năng liên kết, góp phần thúc đẩy sự hình thành khu vực trung tâm khu quy hoạch, liên kết các khu chức năng chính.

+ Hoàn chỉnh tuyến đường Nà Đoòng lên lối mở - cửa khẩu xuất nhập khẩu hàng hóa: Tạo sự liên thông trên hành lang Đông Tây.

+ Xây dựng các khu chức năng của cửa khẩu chính và lối mở và các công trình phụ trợ: Bến bãi đỗ xe, đường phân khu vực.

+ Hoàn thiện dự án tái định cư phục vụ di dời, GPMB theo các dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

+ Nắn chỉnh tuyến suối thoát nước, xác định hành lang cây xanh theo quy hoạch.

- Các dự án khả thi, có khả năng thu hút đầu tư:

+ Dự án đầu tư xây dựng khu chế xuất, đóng gói sản phẩm xuất nhập khẩu.

- + Dự án xây dựng các khu vực kho tàng, bến bãi phục vụ xuất nhập khẩu.
- + Dự án xây dựng các khu thương mại - dịch vụ.
- Các dự án hình thành các khu vực có vai trò thiết yếu:
 - + Xây dựng hoàn chỉnh Khu trung tâm cửa khẩu chính và lối mở.
 - + Xây dựng hoàn chỉnh Khu vực các cơ quan quản lý.
 - + Cải tạo, nâng cấp trung tâm thương mại hiện có.
 - + Xây dựng bến xe buýt nội bộ.
- Đối với các khu vực có khả năng hình thành các dự án riêng biệt, như xây dựng khu nhà ở sinh thái, khu chế xuất công nghệ cao:
 - + Linh hoạt phát triển theo khả năng đầu tư.
 - + Cải tạo, xây dựng bổ sung các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu.

11. Các nội dung khác: theo như đồ án đã lập và được các cơ quan chức năng thẩm định.

Điều 2. Phê duyệt Dự toán chi phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng - tỷ lệ 1/2000 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Tổng số:		1.538.404.000
Trong đó:	- Chi phí khảo sát:	891.404.000
	- Chi phí lập đồ án quy hoạch:	503.000.000
	- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	50.000.000
	- Chi phí thẩm định quy hoạch:	42.000.000
	- Chi phí quản lý nghiệp vụ:	38.000.000
	- Chi phí công bố quy hoạch:	14.000.000

Điều 3. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng - tỷ lệ 1/2000.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng phối hợp cùng Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh huyện Trà Lĩnh có trách nhiệm:

+ Tổ chức công bố công khai đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng - tỷ lệ 1/2000 để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch.

+ Triển khai lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung được duyệt, làm cơ sở để quản lý quy hoạch và thu hút các nguồn vốn đầu tư.

+ Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; tập trung huy động vốn đầu tư để thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

+ Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan và nghiệm thu, thanh quyết toán, kinh phí điều tra, khảo sát và lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung theo đúng trình tự xây dựng cơ bản hiện hành.

+ Lập dự án và cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa theo đúng quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan bố trí vốn thực hiện cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa theo đúng quy định hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Kho bạc nhà nước Cao Bằng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trà Lĩnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Hùng Quốc, huyện Trà Lĩnh; Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh